

Số: 340/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2004/NĐ-CP
ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Biên giới quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

*Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 98/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 140/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Biên giới quốc gia.*

Điều 1. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8

“Điều 8a. Công trình biên giới

1. Công trình cố định đường biên giới quốc gia là các công trình xây dựng, bao gồm: Kè gia cố, bảo vệ mốc quốc giới, cọc dấu biên giới, vật đánh dấu, dấu hiệu nhận biết đường biên giới; kè gia cố, bảo vệ bờ sông, suối biên giới, sông núi biên giới; các công trình khác nhằm đảm bảo tính nguyên trạng, sự ổn định của đường biên giới quốc gia.

2. Công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là các công trình được xây dựng hoàn toàn hoặc có một phần nằm trong khu vực biên giới, cửa khẩu gồm: Hàng rào, tường rào biên giới; công trình đường bộ, cầu, đường sắt, đường tuần tra biên giới, đường ra các mốc quốc giới, đài quan sát biên giới, cầu cảng, bến cảng, bãi đỗ phương tiện phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; công trình phòng thủ biên giới, công trình phòng, chống dịch bệnh, khắc phục thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp và các công trình khác nhằm phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“Điều 9. Đầu tư, xây dựng công trình biên giới

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia có dự án đầu tư, xây dựng công trình biên giới (sau đây gọi là cơ quan chủ quản) có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức đánh giá sự cần thiết xây dựng công trình, cụ thể:

a) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan tổ chức khảo sát thực địa để đánh giá sự cần thiết xây dựng công trình cố định đường biên giới quốc gia;

b) Cơ quan chủ quản chủ trì lấy ý kiến Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan để đánh giá sự cần thiết xây dựng công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chủ quản lập kế hoạch xây dựng công trình biên giới theo quy định tại Điều 26 Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 và lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan khác có liên quan trước khi trình Chính phủ quyết định, trong đó phải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời cơ quan gửi lấy ý kiến.

3. Hồ sơ để lấy ý kiến bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

b) Kế hoạch xây dựng công trình biên giới, trong đó bao gồm các nội dung chính sau: Tên công trình; hiện trạng và sự cần thiết xây dựng công trình; vị trí và quy mô dự kiến; thời gian thực hiện;

c) Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng công trình biên giới;

d) Tài liệu khác (nếu có).

4. Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng công trình biên giới, cơ quan chủ quản triển khai trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng công trình biên giới theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Bổ sung Điều 9a, Điều 9b vào sau Điều 9

“Điều 9a. Đầu tư, xây dựng công trình biên giới trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách, đặc biệt

1. Dự án đầu tư, xây dựng công trình biên giới trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách, đặc biệt được thực hiện theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng.

2. Việc đánh giá tính cấp bách của công trình biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với công trình cố định đường biên giới quốc gia do Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan thực hiện;

b) Đối với công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia do cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan thực hiện.

Điều 9b. Xây dựng các dự án, công trình trong vành đai biên giới nhưng không phải công trình biên giới

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án, công trình trong vành đai biên giới nhưng không phải công trình biên giới phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời cơ quan gửi lấy ý kiến.

2. Khi triển khai thực hiện các dự án, công trình, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản về ngày triển khai dự án, khởi công xây dựng cho Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an cấp tỉnh và chính quyền địa phương sở tại trước thời điểm triển khai dự án hoặc khởi công xây dựng công trình ít nhất 03 ngày làm việc.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13

“3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia nghiên cứu, xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư ở khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định của pháp luật.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 26

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; đầu tư kinh phí, trang bị phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27

“3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; chủ trì thực hiện thủ tục đối ngoại và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan thực hiện thủ tục đối ngoại theo quy định của các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế có liên quan trong triển khai dự án đầu tư, xây dựng công trình biên giới.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 29

“Điều 29. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình các bộ, cơ quan ngang bộ, có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an trong công tác quản lý nhà nước về biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng tổng hợp nhu cầu kinh phí xây dựng các công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia tổng hợp nhu cầu kinh phí xây dựng các công trình cố định đường biên giới quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.”.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

2. Thay thế cụm từ “thị trấn” bằng cụm từ “đặc khu” tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ một số khoản của các Nghị định sau:

a) Bãi bỏ khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 140/2004/NĐ-CP;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

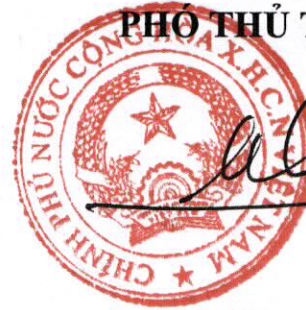
Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Việc xây dựng các dự án, công trình trong vành đai biên giới, cửa khẩu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP./...

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *1H*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phan Văn Giang